

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019.
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ly**.
2. Ông **Ngô Văn Mừng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu Phố L, thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận, (có đơn xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thành Q**, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Phương D** trình bày: Chị và anh **Q** do quen biết với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2017, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, hay cự cãi. Anh chị không còn chung sống từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chưa có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thành Q trình bày: Anh cũng thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn, sống chung, anh và chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận, nguyên nhân chị D xin ly hôn là do chị D tự ý ra ở riêng, anh và chị D cự cãi nhưng không nghiêm trọng, anh thừa nhận trong cơn nóng giận anh có đánh chị D, nhưng sau đó về sống chung lại, do chị D bị tác động bên ngoài nên chị D xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, anh yêu cầu Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn. Nếu hết thời gian hàn gắn mà chị D cương quyết ly hôn thì anh không đồng ý.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh chị vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành Q có nơi cư trú tại ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Thành Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Phương D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Nguyễn Thành Q sống chung với nhau vào năm 2017 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cãi. Chị D và anh Q không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q không đồng ý. Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh chị không hàn gắn được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị chưa có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D, anh Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị D và anh Q thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương D.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2017 ngày 27/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương D, anh Nguyễn Thành Q chưa có.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Phương D, anh Nguyễn Thành Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương D, anh Nguyễn Thành Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của

chị D và anh Q thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012463 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Phương D không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn